ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 618 /KH-UBND	*Huế, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Nghiên cứu, triển khai thử nghiệm có kiểm soát ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển kinh tế di sản số thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2028

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị định 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

Căn cứ Kết luận số 03-KL/BCĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Nhằm đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST&CĐS), tạo động lực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung vào lợi thế đặc thù của thành phố Huế; Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch nghiên cứu, triển khai thử nghiệm có kiểm soát ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển kinh tế di sản số giai đoạn 2026 - 2028, với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH

1. Quan điểm

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản là yêu cầu xuyên suốt; khai thác giá trị kinh tế phải dựa trên dữ liệu có nguồn gốc, quyền hợp pháp và không ảnh hưởng đến tính xác thực, toàn vẹn, an toàn của di sản.

- Thử nghiệm từ quy mô phù hợp, có giới hạn rõ về không gian, thời gian, đối tượng và phạm vi; quản lý theo rủi ro, dữ liệu và kết quả; có cơ chế giám sát, cảnh báo, tạm dừng và kết thúc.

- Thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) chỉ áp dụng đối với nội dung đáp ứng điều kiện của pháp luật về thử nghiệm có kiểm soát; không thay thế giấy phép, chấp thuận hoặc thủ tục chuyên ngành.

- Kế thừa hạ tầng, cơ sở dữ liệu và sản phẩm số đã được đầu tư; bảo đảm khả năng bàn giao, liên thông, tái sử dụng, không phụ thuộc một nhà cung cấp; huy động nguồn lực xã hội hợp pháp.

- Ưu tiên kế thừa dữ liệu, hạ tầng và kết quả đã có; bảo đảm khả năng liên thông, bàn giao, tái sử dụng, không phụ thuộc vào một nhà cung cấp và không làm ảnh hưởng đến tính xác thực, toàn vẹn, an toàn của di sản.

2. Mục đích

- Xác định định hướng, phạm vi và đối tượng của kinh tế di sản số có thể nghiên cứu, thử nghiệm trên địa bàn thành phố, làm cơ sở chuẩn bị cơ chế quản lý và tiếp nhận đề xuất của các tổ chức, doanh nghiệp.

- Đánh giá mức độ phù hợp của cơ chế, công nghệ, dữ liệu, mô hình khai thác và khả năng thương mại hóa gắn với yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị di sản và lợi ích công cộng.

- Chuẩn bị điều kiện để xem xét triển khai thử nghiệm khi có tổ chức, doanh nghiệp đề xuất giải pháp khả thi, có đủ năng lực và hồ sơ đáp ứng quy định; tạo căn cứ thực tiễn để hoàn thiện chính sách và quyết định bước triển khai tiếp theo.

- Bảo đảm tính đồng bộ, liên thông với các chương trình, kế hoạch phát triển KHCN, ĐMST&CĐS của thành phố và các nhiệm vụ do Bộ, ngành trung ương triển khai trên địa bàn thành phố về phát triển kinh tế văn hóa, di sản; nghiên cứu kết hợp các giải pháp công nghệ tầm thấp trong hoạt động khảo sát, số hóa, giám sát và bảo tồn di sản phù hợp, tránh trùng lặp nhiệm vụ, đầu tư và nguồn lực thực hiện.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2028

1. Mục tiêu tổng quát

Đến hết năm 2028, hình thành định hướng và khung chuẩn bị cho việc nghiên cứu, xem xét triển khai thử nghiệm có kiểm soát ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển kinh tế di sản số; làm rõ đối tượng, phạm vi, điều kiện, cơ chế quản lý, yêu cầu công nghệ, phương án thương mại hóa, bảo vệ di sản, quản trị dữ liệu và kiểm soát rủi ro. Việc tổ chức thử nghiệm được xem xét theo tiến độ thực tế và chỉ thực hiện khi có chủ thể, giải pháp và hồ sơ đáp ứng yêu cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định các nhóm đối tượng của kinh tế di sản số có tiềm năng nghiên cứu, gồm dữ liệu và tài sản số về di sản; sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm số; giải pháp công nghệ hỗ trợ bảo tồn, quản lý và phát huy giá trị di sản; mô hình khai thác, cung cấp dịch vụ và hợp tác phù hợp quy định.

- Rà soát cơ sở pháp lý, thẩm quyền, quy trình phối hợp và các nội dung cần có cơ chế thử nghiệm; đề xuất phương án quản lý phù hợp với điều kiện của thành phố.

- Đánh giá nhu cầu, mức độ sẵn sàng của dữ liệu, hạ tầng, công nghệ, thị trường và các chủ thể có khả năng tham gia; xác định nhóm tiêu chí để tiếp nhận, sàng lọc và xem xét đề xuất thử nghiệm.

- Nghiên cứu nguyên tắc thương mại hóa và phân chia lợi ích, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn, lợi ích công cộng, quyền quản lý di sản và động lực tham gia của tổ chức, doanh nghiệp.

- Xây dựng định hướng về giới hạn thử nghiệm, bảo vệ di sản, quản trị dữ liệu, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, giám sát và xử lý rủi ro làm căn cứ cho từng hồ sơ cụ thể.

- Rà soát, lựa chọn và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp để chuẩn hóa việc số hóa, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, bảo đảm chất lượng và an toàn dữ liệu di sản số; trường hợp cần thiết, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN

1. Phạm vi, thời gian

Kế hoạch thực hiện trên địa bàn thành phố Huế trong giai đoạn 2026 - 2028. Giai đoạn đầu tập trung nghiên cứu, rà soát, đánh giá và chuẩn bị điều kiện. Phạm vi, đối tượng, thời gian, địa điểm và quy mô của từng thử nghiệm chỉ được xác định sau khi có đề xuất cụ thể, được thẩm định và được cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Hồ sơ thử nghiệm có kiểm soát các mô hình, giải pháp, công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế di sản được triển khai theo thực tế khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

2. Đối tượng nghiên cứu, thử nghiệm

- Dữ liệu, tài sản số và nội dung số được hình thành từ hoạt động số hóa, nghiên cứu, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, bảo đảm nguồn gốc và quyền khai thác hợp pháp.

- Sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm số dựa trên giá trị di sản; giải pháp công nghệ hỗ trợ bảo tồn, quản lý, giám sát, diễn giải, giáo dục, quảng bá và nâng cao khả năng tiếp cận di sản.

- Mô hình tổ chức, cung cấp dịch vụ, hợp tác, khai thác và thương mại hóa giá trị gia tăng từ dữ liệu, nội dung và sản phẩm số về di sản; không thương mại hóa di tích, hiện vật gốc hoặc dữ liệu thuộc phạm vi hạn chế khai thác.

3. Chủ thể tham gia

- Cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị quản lý di sản, văn hóa, du lịch; cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan.

- Viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, chuyên gia, tổ chức đánh giá độc lập.

- Tổ chức, doanh nghiệp công nghệ số và các chủ thể khác có đề xuất, năng lực và nguồn lực phù hợp; việc tham gia được xem xét trên cơ sở hồ sơ cụ thể, công khai và minh bạch.

4. Nguyên tắc xem xét lựa chọn

- Bảo đảm trung lập về công nghệ và không lựa chọn trước doanh nghiệp; ưu tiên giải pháp giải quyết bài toán thực tiễn, có tính đổi mới, khả năng kiểm chứng và giá trị đối với bảo tồn, phát huy di sản.

- Chỉ áp dụng cơ chế thử nghiệm đối với nội dung pháp luật chưa quy định rõ hoặc cần kiểm chứng trong phạm vi được phép; không sử dụng sandbox để miễn trừ các điều kiện chuyên ngành đã được quy định đầy đủ.

- Chủ thể đề xuất phải chứng minh năng lực kỹ thuật, nhân lực, tài chính và quản trị rủi ro; có phương án bảo vệ di sản, dữ liệu, người tham gia và bên thứ ba; có nguồn lực khắc phục, bồi thường và phương án kết thúc thử nghiệm.

- Quyền khai thác dữ liệu, tài sản công, sở hữu trí tuệ, cơ chế tài chính và lợi ích phát sinh phải được xác định bằng văn bản đúng thẩm quyền trước khi vận hành thử nghiệm.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Xác định đối tượng và nhu cầu của kinh tế di sản số

Rà soát hiện trạng quản lý, bảo tồn, khai thác và số hóa di sản; nhận diện các bài toán, nhu cầu và nhóm đối tượng có thể tạo giá trị gia tăng bằng công nghệ số. Làm rõ giá trị công cộng, đối tượng thụ hưởng, khả năng huy động nguồn lực và mối quan hệ với các chương trình, dự án đang triển khai để tránh trùng lặp.

2. Đánh giá cơ chế và điều kiện pháp lý

Rà soát thẩm quyền và quy định liên quan đến thử nghiệm có kiểm soát, di sản, dữ liệu, tài sản công, tài chính, giá, phí, sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng và các lĩnh vực chuyên ngành. Xác định nội dung đã có quy định, nội dung còn vướng mắc và phương án xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền.

3. Đánh giá công nghệ và mức độ sẵn sàng

Đánh giá theo nhóm chức năng và yêu cầu đầu ra, không ấn định trước một công nghệ cụ thể. Xem xét tính phù hợp, khả năng tích hợp, độ chính xác, khả năng giải trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, an ninh, chi phí vòng đời, năng lực vận hành, khả năng bàn giao và mức độ phụ thuộc nhà cung cấp. Các công nghệ như số hóa ba chiều, bản sao số, trí tuệ nhân tạo, nền tảng dữ liệu và công nghệ trải nghiệm số chỉ được xem xét khi phù hợp với bài toán và hồ sơ cụ thể.

4. Nghiên cứu khả năng thương mại hóa

Nghiên cứu nhu cầu thị trường, đối tượng sử dụng, phương thức cung cấp, mức độ chấp nhận, chi phí và nguồn thu dự kiến; làm rõ cơ chế khai thác, chia sẻ lợi ích và nghĩa vụ tài chính. Hoạt động thương mại hóa phải dựa trên quyền hợp pháp đối với dữ liệu, nội dung và tài sản số, không làm suy giảm giá trị hoặc cản trở nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

5. Xác định giới hạn thử nghiệm và yêu cầu bảo vệ di sản

Định hướng giới hạn theo đối tượng, địa điểm, thời gian, số lượng người tham gia, phạm vi dữ liệu, chức năng công nghệ và hoạt động thương mại. Mỗi đề xuất phải có đánh giá tác động đối với di sản, ngưỡng an toàn, biện pháp giám sát, điều kiện tạm dừng hoặc chấm dứt và phương án khôi phục hiện trạng; không can thiệp làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích khi chưa được phép.

6. Quản trị dữ liệu và kiểm soát rủi ro

Xác định chủ thể quản lý, quyền truy cập, mục đích sử dụng, phạm vi chia sẻ, thời hạn lưu trữ và phương án bàn giao dữ liệu. Phân loại dữ liệu theo mức độ rủi ro; bảo vệ dữ liệu nhạy cảm về di sản, bảo vật quốc gia và dữ liệu cá nhân; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, sao lưu, lưu vết và khả năng kiểm tra. Xây dựng khung nhận diện, theo dõi và xử lý rủi ro về pháp lý, di sản, công nghệ, tài chính, thị trường và quyền lợi của các bên.

7. Xây dựng, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Bộ

Nghiên cứu, xác định bài toán, mục tiêu, phạm vi, nội dung cần giải quyết và yêu cầu về bảo tồn di sản, dữ liệu, công nghệ, thương mại hóa và kiểm soát rủi ro; xây dựng hồ sơ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Bộ về mô hình kinh tế di sản số phù hợp triển khai trên địa bàn thành phố Huế, làm cơ sở định hướng cho những nội dung tiếp theo. Tổ chức hoàn thiện hồ sơ xây dựng nhiệm vụ theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ; việc xác định, tổ chức chủ trì, giải pháp công nghệ, sản phẩm và kinh phí triển khai được thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền xem xét, giao nhiệm vụ theo quy định.

8. Chuẩn bị tiếp nhận và xem xét đề xuất thử nghiệm

Xây dựng định hướng tiêu chí, đầu mối và quy trình phối hợp để tiếp nhận, trao đổi, sàng lọc đề xuất. Tổ chức khảo sát, tham vấn và kết nối với viện, trường, tổ chức, doanh nghiệp có năng lực; hướng dẫn xây dựng hồ sơ khi có đề xuất phù hợp. Việc thẩm định, cho phép và triển khai thử nghiệm chỉ thực hiện khi hồ sơ đáp ứng yêu cầu và có đủ điều kiện chuyên ngành.

9. Đánh giá và định hướng sau thử nghiệm

Đối với mô hình được phép triển khai, xác định bộ chỉ số phù hợp với mục tiêu và phạm vi cụ thể; tổ chức giám sát, đánh giá giữa kỳ và tổng kết. Trên cơ sở bằng chứng, đề xuất tiếp tục, điều chỉnh, mở rộng có điều kiện, kết thúc hoặc kiến nghị hoàn thiện cơ chế, tiêu chuẩn và chính sách.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1: Rà soát, nghiên cứu và xác định định hướng

Nội dung: Rà soát cơ sở pháp lý, hiện trạng dữ liệu, hạ tầng và các hoạt động số hóa; xác định nhóm đối tượng kinh tế di sản số, nhu cầu thực tiễn, yêu cầu bảo vệ di sản và các vấn đề cần nghiên cứu thử nghiệm; khảo sát mức độ quan tâm và khả năng tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp.

Kết quả dự kiến: Cơ sở thông tin và định hướng ban đầu để tiếp tục hoàn thiện cơ chế, tiêu chí và điều kiện tiếp nhận đề xuất.

Thời gian: Quý IV/2026 - Quý II/2027.

2. Giai đoạn 2: Hoàn thiện khung chuẩn bị và kết nối chủ thể

Nội dung: Nghiên cứu phương án quản lý; xây dựng định hướng tiêu chí về công nghệ, thương mại hóa, giới hạn thử nghiệm, bảo vệ di sản, quản trị dữ liệu và kiểm soát rủi ro; tổ chức tham vấn, kết nối, trao đổi với các chủ thể có năng lực và tiếp nhận đề xuất nếu phát sinh.

Kết quả dự kiến: Khung yêu cầu và phương án phối hợp để sàng lọc, hướng dẫn xây dựng hồ sơ thử nghiệm khi có đề xuất phù hợp.

Thời gian: Quý II - Quý IV/2027.

3. Giai đoạn 3: Xem xét, chuẩn bị và tổ chức thử nghiệm khi đủ điều kiện

Nội dung: Trường hợp có tổ chức, doanh nghiệp và giải pháp phù hợp, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tổ chức lấy ý kiến chuyên ngành, thẩm định và trình cấp có

thẩm quyền xem xét. Chỉ chuẩn bị vận hành và tổ chức thử nghiệm sau khi hoàn thành các điều kiện về pháp lý, di sản, dữ liệu, tài chính, an ninh và các yêu cầu liên quan.

Kết quả dự kiến: Hồ sơ và quyết định xử lý tương ứng với đề xuất thực tế; trường hợp chưa có đề xuất đáp ứng yêu cầu, tiếp tục nghiên cứu, kết nối và hoàn thiện điều kiện cho giai đoạn sau.

Thời gian: Năm 2027 - 2028, phụ thuộc tiến độ chuẩn bị và chất lượng hồ sơ.

4. Giai đoạn 4: Đánh giá và đề xuất bước tiếp theo

Nội dung: Đánh giá kết quả công tác chuẩn bị và kết quả thử nghiệm nếu có mô hình, giải pháp được triển khai đảm bảo; rà soát tính phù hợp của cơ chế, công nghệ, mô hình thương mại hóa, biện pháp bảo vệ di sản, quản trị dữ liệu và kiểm soát rủi ro; đề xuất điều chỉnh, tiếp tục hoặc xây dựng kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

Kết quả dự kiến: Báo cáo đánh giá và kiến nghị theo tình hình triển khai thực tế.

Thời gian: Đến hết năm 2028.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định pháp luật liên quan.

2. Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan.

3. Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức triển khai Kế hoạch; điều phối tiến độ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát và chuẩn bị điều kiện.

- Chủ trì rà soát cơ sở pháp lý, nghiên cứu khung quản lý và quy trình phối hợp; công bố định hướng, tổ chức khảo sát, kết nối và tiếp nhận đề xuất; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ khi có chủ thể và giải pháp phù hợp.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu huy động, bố trí và sử dụng nguồn lực thực hiện Kế hoạch đúng quy định, tránh trùng lặp, lãng phí.

- Tổ chức đánh giá giữa kỳ, tổng kết; tổng hợp, báo cáo UBND thành phố về tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc; đề xuất hoàn thiện cơ chế, tiêu chuẩn kỹ thuật và phương án mở rộng, điều chỉnh hoặc kết thúc mô hình.

- Khi phát sinh hồ sơ đáp ứng yêu cầu, tổng hợp ý kiến chuyên ngành, tổ chức thẩm định và tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét quyết định cho phép, điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt thử nghiệm; theo dõi việc thực hiện các điều kiện và đề xuất xử lý vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì ý kiến chuyên ngành về bảo vệ, phát huy giá trị di sản và nội dung văn hóa; hướng dẫn thủ tục, đánh giá tác động, điều kiện bảo vệ di sản; tham gia giám sát và kịp thời đề nghị dừng khi phát sinh nguy cơ đối với di sản.

- Phối hợp đánh giá sản phẩm, trải nghiệm, thị trường và mức độ chấp nhận; tham gia bảo đảm quyền lợi, an toàn của khách và chất lượng điểm đến.

3. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế

Quản lý địa điểm và dữ liệu gốc; rà soát hiện trạng, hồ sơ và hạ tầng; phối hợp xác định phạm vi, sức chứa, thời gian, điều kiện kỹ thuật; giám sát tác động, tiếp nhận kết quả phù hợp, bảo đảm thử nghiệm không ảnh hưởng nhiệm vụ bảo tồn di sản.

4. Sở Tư pháp

Phối hợp rà soát căn cứ, thẩm quyền, trình tự; tham gia ý kiến đối với nội dung cần áp dụng cơ chế thử nghiệm và dự thảo văn bản liên quan; phối hợp kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối của ngân sách, phân cấp ngân sách hiện hành và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Công an thành phố

Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực thử nghiệm. Phối hợp thẩm định phương án bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; tham gia giám sát xuyên suốt quá trình tư vấn, xây dựng, thử nghiệm, vận hành hệ thống; xử lý sự cố về an ninh, trật tự và vi phạm về an ninh mạng thuộc thẩm quyền.

7. Đại học Huế, viện, trường và các đơn vị thành viên, nhà khoa học

Tham gia nghiên cứu đối tượng kinh tế di sản số, đánh giá công nghệ, dữ liệu, thị trường và tác động kinh tế - xã hội; tư vấn tiêu chí, phương pháp đánh giá, cơ chế giám sát, đào tạo nhân lực và đề xuất giải pháp phù hợp. Tham gia đánh giá độc lập khi được giao, bảo đảm không có xung đột lợi ích.

8. Các doanh nghiệp công nghệ số

Khuyến khích nghiên cứu nhu cầu, đề xuất ý tưởng, giải pháp và mô hình kinh doanh phù hợp với định hướng của Kế hoạch. Khi đăng ký tham gia, tổ chức, doanh nghiệp phải chứng minh năng lực, tính hợp pháp của công nghệ và dữ liệu, phương án bảo vệ di sản, quản trị rủi ro, tài chính, thương mại hóa và kết thúc thử nghiệm; chỉ triển khai sau khi được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

9. UBND xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

Theo chức năng, phối hợp cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện địa bàn, tiếp nhận phản ánh, tham gia giám sát và xử lý sự cố; kịp thời báo cáo nội dung vượt thẩm quyền.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch của UBND thành phố, các Sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Công an thành phố;
- Đại học Huế;
- Hiệp hội doanh nghiệp thành phố;
- UBND các phường, xã;
- VP.UBND thành phố: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thùy Giang

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2028

(Kèm theo Kế hoạch số 618 /KH-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2026 của UBND thành phố Huế)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát hiện trạng, xác định đối tượng, nhu cầu và các bài toán ưu tiên của kinh tế di sản số	Sở KH&CN	Sở VHTT&DL; Trung tâm BTDTCĐ Huế; Đại học Huế; viện, trường; cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2026 - Quý II/2027
2	Rà soát cơ sở pháp lý, thẩm quyền và đề xuất phương án quản lý, phối hợp triển khai thử nghiệm có kiểm soát	Sở KH&CN	Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Công an thành phố; các cơ quan chuyên ngành	Năm 2026 - 2027
3	Đánh giá mức độ sẵn sàng về dữ liệu, hạ tầng, công nghệ, thị trường và nguồn lực tham gia	Sở KH&CN	Trung tâm BTDTCĐ Huế; Đại học Huế; viện, trường; tổ chức, doanh nghiệp quan tâm	Năm 2027
4	Nghiên cứu định hướng thương mại hóa, cơ chế khai thác và chia sẻ lợi ích gắn với bảo tồn và lợi ích công cộng	Sở VHTT&DL	Sở Tài chính; Sở KH&CN; Trung tâm BTDTCĐ Huế; chuyên gia; tổ chức, doanh nghiệp quan tâm	Năm 2027
5	Xây dựng định hướng tiêu chí về giới hạn thử nghiệm, bảo vệ di sản, quản trị dữ liệu và kiểm soát rủi ro	Sở KH&CN	Sở VHTT&DL; Công an thành phố; Trung tâm BTDTCĐ Huế; các cơ quan liên quan	Năm 2027

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp Bộ về mô hình kinh tế di sản số triển khai trên địa bàn thành phố Huế	Trung tâm BTDTCĐ Huế	Sở VHTT&DL; Sở KH&CN; Sở Tài chính; Đại học Huế; viện, trường và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026 - 2027
7	Tổ chức tham vấn, kết nối, tiếp nhận và sàng lọc đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị, viện, trường, hiệp hội và doanh nghiệp liên quan	Năm 2027 - 2028
8	Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, thẩm định và xem xét cho phép thử nghiệm khi có đề xuất đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định	Sở KH&CN	Các cơ quan chuyên ngành theo thẩm quyền	Năm 2027 - 2028
9	Giám sát, đánh giá và đề xuất bước tiếp theo đối với mô hình được phép triển khai; tổng kết công tác chuẩn bị trong trường hợp chưa phát sinh thử nghiệm	Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị liên quan; tổ chức đánh giá độc lập	Đến hết năm 2028